CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

a. Tên dự án

TRANG TRẠI CHĂN NUÔI LỢN CHẤT LƯỢNG CAO

b. Chủ đầu tư dự án

Công ty Cổ phần nông nghiệp Việt Nhất Hoà

- Trụ sở chính: thôn Gia Hoà 1, xã Nhất Hoà, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Người đại diện: Ông **Hồ Quốc Hoàng** Chức vụ: Giám đốc

+ Số CCCD: 04008000690 Ngày cấp: 20/08/2022

+ Cơ quan cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/8/2022.

c. Địa điểm thực hiện dự án

Khu đất thực hiện dự án "Trang trại chăn nuôi lợn chất lượng cao" thuộc thôn Gia Hoà 1, xã Nhất Hoà, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

1.2. Phạm vi,quy mô, công suất

- Phạmvi: Dự án được thực hiện tại thôn Gia Hoà 1, xã Nhất Hoà, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn, khu đất dự án có diện tích 168.400 m^2.

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Quy mô diện tích: Tổng diện tích hoạt động của dự án là 168.400 m^2.

+ Quy mô lao động: 55 người.

+ Quy mô sản xuất: Xây dựng trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm với công suất quy mô đàn lợn khoảng 30.000 con/lứa, trung bình mỗi năm xuất chuồng khoảng 70.000 con lợn thịt.

1.3. Công nghệ sản xuất

Công nghệ chăn nuôi lợn thịt khép kín được áp dụng tại dự án, và đây là loại hình chăn nuôi lợn tập trung, theo hướng thân thiện với môi trường, tái sử dụng nguồn nước sau xử lý để phục vụ các hoạt động của dự án.

Trại nuôi lợn được xây dựng theo mô hình khép kín, có tường che kín xung quanh, với hệ thống các tấm làm mát được bố trí phía đầu trại và hệ thống quạt hút không khí từ bên trong thổi khí ra bên ngoài được gắn ở sau trại.

**** Quy trình chăn nuôi***

Quy trình công nghệ sản xuất chăn nuôi hiện nay của trang trại như sau:

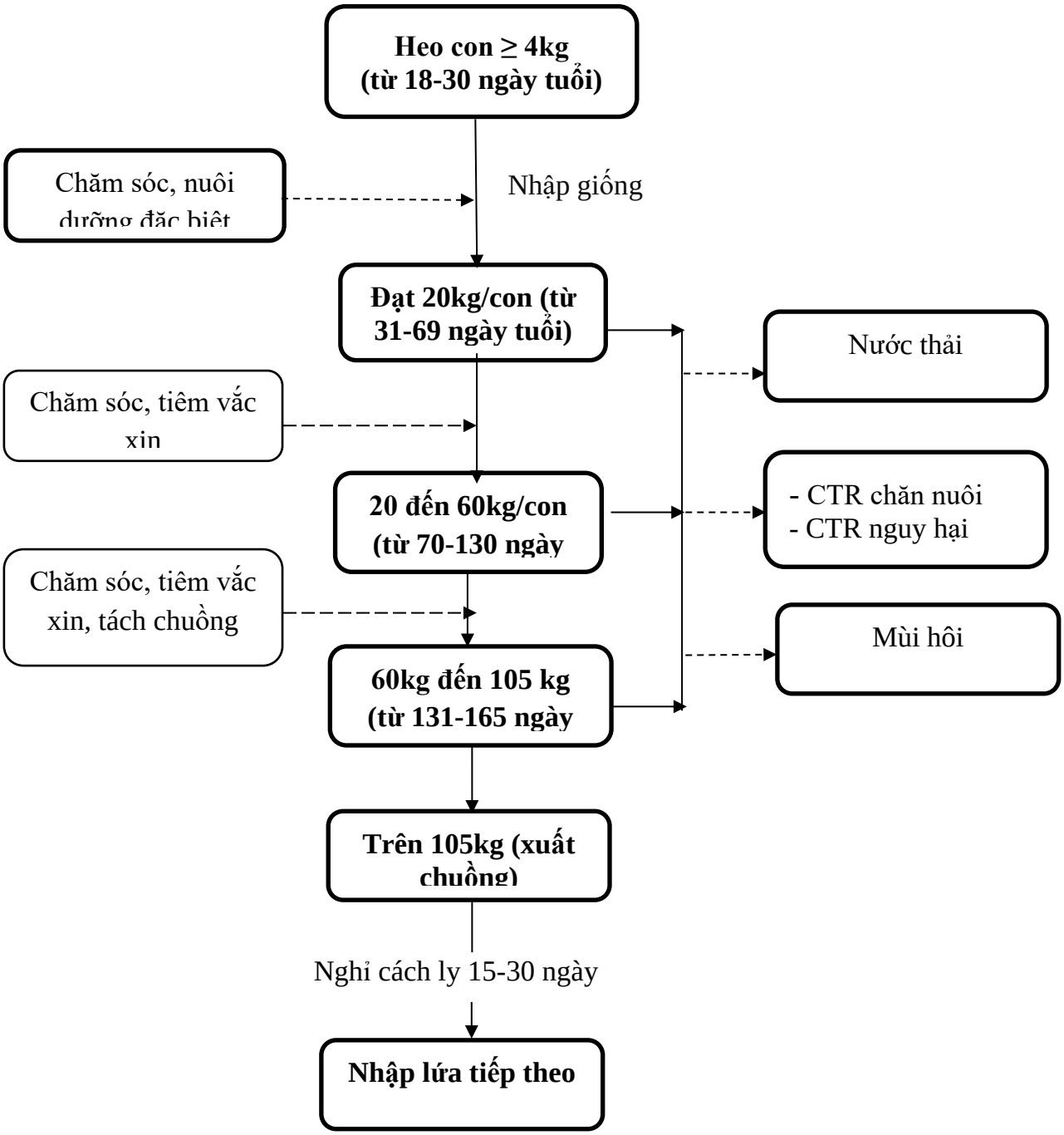

Hình 1. 1. Quy trình chăn nuôi lợn thịt

<u>Thuyết minh quy trình nuôi lợn thịt</u>

- Yêu cầu về giống lợn:

Số lợn giống dùng cho dự án được cung cấp từ Công ty Cổ phần nông nghiệp Việt Tân Hương đảm bảo chất lượng cao, sạch bệnh; Lợn thịt được nuôi từ 5 – 6 tháng tuổi và có trọng lượng trung bình khoảng 100kg sẽ được kiểm tra xuất bán. Trung bình mỗi năm trang trại sẽ nuôi 2 lứa lợn, trong một năm xuất chuồng khoảng 70.000 con lợn thịt ra thị trường.

Giống lợn hiện nay trang trại sử dụng là các giống lợn cho năng suất thịt cao, chất lượng thịt tốt, thơm ngon được nuôi phổ biến tại các trại chăn nuôi lớn trên thị trường Việt Nam hiện nay như: Yorkshire, Landrace, Pietrain, Berkshire,...

Yêu cầu con giống nhập về trang trại phải khỏe mạnh và được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin phù hợp với lứa tuổi lợn theo quy định của thú y.

Lợn giống mới nhập về cần được nuôi cách ly riêng và ghi chép đầy đủ các biểu hiện bệnh lý của con giống trong quá trình nuôi cách ly.

Không nuôi lẫn các lứa lợn khác nhau trong cùng ô chuồng; không nuôi chung lợn với các loài vật khác.

- Chuẩn bị chuồng trại, quản lý trước và trong khi nhập.

+ Quy mô công trình 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật.

+ Trại lợn được xây theo hệ thống kín, trong chuồng bố trí các quạt hút gió. Nhờ hệ thống trại kín nên nhiệt độ bên ngoài có thay đổi nhưng nhiệt độ chuồng vẫn ổn định. Nhờ vậy sức khỏe của đàn lợn luôn tốt.

+ Vệ sinh sát trùng kỹ càng và đóng kín bạt, đóng kín các cửa ra vào, làm khô chuồng từ 7 ngày trở lên, xông bằng formol + thuốc tím.

+ Hạn chế ra vào trại sau khi sát trùng để khô chuồng, nếu cần thiết ra vào phải mang ủng và đi qua hố sát trùng. Hố sát trùng phải đủ lớn để nhúng hai chân mang ủng vào, pha thuốc sát trùng đúng liều lượng khuyến cáo (tuân thủ theo đúng quy định pha đề ra).

+ Chuẩn bị đầy đủ máng ăn, núm uống, bạt che, bạt úm, lồng úm, đèn úm, thuốc, dụng cụ thú y.

+ Pha sẵn các chất điện giải đổ vào máng (trước khi nhập 1 giờ) để khi nhập lợn vào là lợn uống ngay.

+ Kiểm tra lối di chuyển trước khi nhập, loại bỏ vật gây tò mò trên lối di chuyển.

+ Kiểm tra số lợn đưa vào phù hợp theo trọng lượng của mỗi con trên $1m^2$.

+ Chuyển lợn từ xe xuống nhẹ nhàng, tuyệt đối không được làm thô bạo dẫn đến què, sứt móng, stress.

+ Lựa chọn sao cho số lợn nhập vào một chuồng cân nặng chênh nhau không quá 2kg. Trong quá trình nuôi, hạn chế trộn lợn để tránh gây stress cho lợn. Lưu ý lợn đực, cái, hoạn, chưa hoạn nuôi riêng biệt.

+ Tách riêng những lợn con nhỏ vào một ô để chăm sóc.

+ Quản lý hạn chế lợn cắn nhau bằng cách treo dây xích, chai nhựa để giảm stress.

- *Chở lợn vào trại:* sát trùng cho xe chở lợn. Xịt kỹ đầu gầm, đuôi hông xe ở ngoài cổng. Bánh xe tải chạy qua hố sát trùng để hạn chế vi khuẩn bám trên lốp xe xâm nhập vào khu chuồng trại. Kiểm tra tất cả thông tin trên phiếu nhập lợn.

- *Nhập lợn:* Mỗi năm dự án nhập vệ 2 đợt (24 tuần/đợt), mỗi tuần nhập 1.250 con lợn giống. 6 nhà nuôi lợn được chia ra làm 24 chuồng tương ứng với số tuần tuổi từ 4 – 27 tuần. Lợn con nhập về khoảng 7 - 10kg/con. Lợn con sau khi được vận chuyển về trang trại sẽ được nuôi trong 24 chuồng, nuôi thành lợn thương phẩm với chế độ chăm sóc đầy đủ, thích hợp.

- *Quy trình chăm sóc:*

+ Lợn con nhập về được nuôi có bóng đèn úm 150w hỗ trợ trong lồng úm nhỏ riêng, kích thước 2000x3000mm.

Lợn nhập về trại sau 48h được tiêm 100% Vaccine Tai xanh loại tốt. Lợn được uống nước qua vòi tự động cao 25cm từ mặt sàn, ăn trong máng ăn bằng inox. Nhiệt độ chuồng nuôi từ 17-24^{0}C, ẩm độ 70 - 75%. Ngày cho lợn ăn 3-4 bữa vào các thời gian 6 giờ sáng, 11 giờ, 17 giờ, hoặc 20 giờ. Khoảng 2-3 ngày thì tăng dần lượng thức ăn, cho lợn ăn hết khẩu phần sử dụng máng ăn tự động được cọ rửa sạch sẽ trước khi cho lợn ăn và thường xuyên có nước sạch cho lợn.

Lợn nuôi ở chuồng lợn con khoảng 60 ngày tuổi sẽ đạt khoảng 18-20 kg.

Từ 60 ngày tuổi đến 150 ngày tuổi lợn được chăm sóc theo quy trình lợn nhỡ đến xuất chuồng.

Lợn uống nước qua vòi tự động cao 25cm từ mặt sàn, mỗi ô nuôi bố trí 150 núm uống nước.

Thời gian nuôi khoảng 5 tháng, trọng lượng lợn đạt 100kg sẽ xuất chuồng, mỗi năm trang trại nuôi khoảng 70.000 con

- *Xuất lợn:*

Lợn đạt khối lượng sẽ đưa sang chuồng xuất lợn trước khi xuất bán cho cơ sở giết mổ sẽ được kiểm tra chất lượng, dịch bệnh và vệ sinh an toàn thực phẩm. Toàn bộ lợn này được cung cấp cho đối tác bao tiêu sản phẩm.

- *Vệ sinh chuồng trại:*

Sau mỗi đợt xuất bán, khi chuồng nuôi lợn trống, công nhân sẽ tiến hành vệ sinh, tiêu độc khử trùng chuồng, công cụ chăn nuôi. Xịt rửa toàn bộ trần, tường bao, khung

chuồng, hệ thống cống rãnh trong chuồng. Cọ rửa sạch sẽ các máng ăn, đường nước uống. Vệ sinh tủ điện, quạt thông gió…, sau đó dùng máy áp lực cao xịt rửa sạch. Để trống chuồng, chờ từ 12-21 ngày mới nhập nuôi lứa mới.

Điều kiện môi trường chuồng nuôi lợn

- *Điều kiện chuồng nuôi*

Hệ thống 24 chuồng nuôi kín, bên trong mỗi chuồng nuôi được chia thành từng ô nuôi. Sàn được lắp ráp các tấm đan chắc chắn không trơn trượt, có các khe để thu phân và nước tiểu xuống hầm thu phân nằm dưới nền chuồng. Các tấm đan được bố trí cao hơn hầm thu phân khoảng 60-100cm để đảm bảo độ dốc cho quá trình thu gom phân về máy ép phân. Bên trong chuồng nuôi có hệ thống vòi nước tự động cho lợn uống, máng tự động cho lợn ăn. Chuồng có bố trí hệ thống quạt thông gió và giàn làm mát tạo không khí thoáng mát trong chuồng.

Phân, nước tiểu và thức ăn rơi vãi trong chuồng nuôi phần lớn bị lợn giẫm đạp rơi xuống hầm phân, phần còn sót lại được công nhân thu gom thủ công vào bao đựng, phần dính trên sàn chuồng được dùng vòi xịt áp lực đẩy xuống hầm phân. Tại hầm phân, lượng phân heo và nước phân trong rãnh ngâm dưới hầm định kỳ được máy thổi áp lực dẫn ống ngầm bên trong bê tông giúp đẩy về mương thu phân rồi dẫn về hố thu phân. Sau đó được bơm lên máy tách phân để vận hành tách phân. Khi qua máy ép tách phân, lượng phân sẽ được ép nát vụn thành dạng bột nên không phải qua giai đoạn phơi khô. Phân sau ép tách nước được phun chế phẩm EM và đưa tới nhà ủ phân vi sinh. Nước thải sau khi tách phân được đưa vào hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- *Nhiệt độ chuồng nuôi:*

Nhiệt độ trong chuồng nuôi rất quan trọng cho quá trình sinh trưởng và phát triển của đàn lợn. Nếu nhiệt độ cao khi quá nóng lợn thở nhiều, giảm ăn, đi phân bừa bãi dẫn đến hậu quả tăng trọng chậm, tiêu tốn thức ăn cao, dễ mắc bệnh. Khi nhiệt độ thấp thì lợn thường xù lông hay nằm trùm lên nhau. Đi phân bừa bãi hay cắn tai, cắn đuôi nhau, tăng trọng chậm, tiêu tốn thức ăn cao dễ mắc bệnh truyền nhiễm, bệnh hô hấp.

Nhiệt độ trong chuồng nuôi luôn được duy trì từ 25 - 27^{0}C để đảm bảo cho đàn lợn khỏe mạnh và sinh trưởng tốt. Nhiệt độ được duy trì trong chuồng nuôi bằng các phương pháp: dùng quạt hút (mỗi chuồng bố trí 10 quạt hút công suất mỗi quạt 40.000 m^3/h) và giàn Cooling Pad làm mát; nếu nhiệt độ lạnh quá thì dùng các bóng đèn điện để sưởi ấm cho lợn.

- Chuẩn bị thức ăn và quản lý thức ăn

+ Sau khi cai sữa 3 ngày đầu tiên (thứ 5,6,7) chia ra mỗi ngày cho ăn 5~7 lần để tránh tiêu chảy và kích thích dần tính phàm ăn.

+ Cho ăn nhiều lần trong ngày, điều chỉnh cho lượng thức ăn xuống khay vừa phải sao cho thùng thức ăn phải trống 1 lần/ngày. Kiểm tra, kiểm soát lượng thức ăn rơi vãi ngoài máng: kiểm tra lượng thức ăn ở xung quanh, đáy thùng và điều chỉnh tốc độ cần gạt của máng để thức ăn rớt xuống máng phù hợp.

+ Cho ăn đúng loại thức ăn, đúng mã số, kiểm tra thức ăn trong máng phải sạch, mùi vị bình thường, loại bỏ thức ăn mốc, mùi vị bất thường.

+ Không lưu trữ thức ăn trong chuồng lợn con

+ Trộn kháng sinh vào cám theo mùa, lúc giao mùa đề phòng các bệnh gây tiêu chảy và hô hấp

+ Quản lý đảo, trộn thức ăn giữa các cũ và cám mới.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư

Quy mô xây dựng các hạng mục công trình của dự án như sau:

TT	Tên hạng mục	Số lượng	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Diện tích (m^2)
I	**Các hạng mục công trình chính**				
1	Nhà heo thịt + cai sữa		112	35,5	23.856
2	Nhà văn phòng, kho	1	20,95	5,6	117,32
3	Nhà ở công nhân 1	1	44.2	5.2	229.84
4	Nhà ở công nhân 2	1	44.2	6.2	274.04
5	Nhà ở công nhân 3	1	34.4	4.2	144.48
6	Nhà ăn	1	23.9	8.35	199.57
7	Phòng chuyển heo con	1			61.31
8	Khu xuất bán trong trại	1	43.73	6.23	272.44
9	Nhà nhân viên khu vực bán hàng	1	7.4	7.4	54.76
10	Kho cơ khí dụng cụ	1	12	8.2	98.40

11	Nhà nghỉ trưa công nhân khu sản xuất	1	29	10.1	292.90
12	Nhà ở công nhân khu XLN	1	25.2	8.7	219.24
13	Nhà kho	1	17.5	8	140.00
14	Kho dầu	1	6.6	4.43	29.24
II	**Các hạng mục công trình phụ trợ**				
15	Khu khử trùng cổng	1			334.87
16	Phòng thay đồ tập trung	1			203.44
17	Nhà rửa-sấy xe bên ngoài	2	25	10.5	525.00
18	Nhà rửa-sấy xe bên trong	2	9.2	7.1	130.64
19	Bể chứa nước	1	11.2	11.2	125.44
20	Silo trung tâm thịt	1	34.2	5	171.00
21	Silo trước chuồng	24	4.2	4.2	423.36
22	Phòng rửa cao áp	1	6.1	5.1	31.11
23	Phòng tắm trước khi vào chuồng	12	6.35	2.75	209.55
24	Cổng	2	1	2	
25	Phòng máy	1	12.64	5.74	72.55
26	Nhà giải trí	1	15.8	6.5	102.70
27	Chòi hút thuốc	2			32.40
28	Nhà đặt máy phát điện	1	15	7.5	112.50
29	Sân thể thao	2	/	/	/
30	Hàng rào gạch	1	/	/	/
31	Nhà để xe nhân viên	1	10.2	5.2	53.04
32	Hồ chứa nước giếng	1	60	45	2,700.00
III	**Hạng mục các công trình bảo vệ môi trường**				
33	Phòng rác sinh hoạt	1	4	4	16.00

34	Bể thu gom	5			62.83
	Kho chứa xác heo	1	8.5	4.2	35.70
35	Phòng rác thải sản xuất	1	4	4	16.00
36	Bể lọc	3	2	2	12.00
37	Bể tự hoại 20m3	4	2	4	32.00
38	Nhà chứa rác thải nguy hại	1	8	5	40.00
39	Nhà chứa và xử lý phân	1	31.7	12.9	408.93
40	Bể kết hợp kỵ khí-sục khí (hầm biogas)	1	90	80	7,200.00
41	Bể kết hợp AO thứ cấp (HTXLNT)	1	48.5	16.9	819.65
42	Bể kết hợp thu gom và lưu trữ	1	27.5	10.6	291.50
43	Bể nước sau khi xử lý	1	8.6	8.6	73.96
44	Trạm bơm định lượng khử mùi	1	12.6	7	88.20
45	Hồ chứa nước sau xử lý	1			4,323.00
46	Hồ chứa nước mưa	1	80	40	3,200.00
		1			3,585.00
		1			3,085.00
47	Hồ sự cố	1			1,500.00
IV	**Hệ thống giao thông**				
48	Đường giao thông nội bộ	1			934.10
49	Đường chuyển heo trong trại	1			14,390.50
V	**Đất cây xanh**				
50	Cây xanh, không gian cách ly	1			97,068.49
	Tổng				**168.400**

b. Hoạt động của dự án đầu tư

** Các hoạt động của dự án trong giai đoạn thi công xây dựng*

- Thực hiện thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, xây dựng, môi trường, khai thác nước dưới đất.

- Sinh hoạt của người lao động trên công trường.

- Hoạt động của các máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển.

- Rà phá bom mìn, thu dọn thảm thực vật.

- Vận chuyển nguyên nhiên vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị, các loại phế liệu, chất thải.

- Thi công lắp đặt kho bãi, lán trại tạm, các hạng mục công trình BVMT như nhà vệ sinh, bể tự hoại, bể tách mỡ, bể chứa nước thải, bể lắng nước thải xây dựng, hệ thống rãnh, hố ga thu gom nước mưa, kho CTNH, CTRTT...

- Thi công giếng khoan khai thác nước dưới đất.

- Đào đắp, san gạt tạo mặt bằng.

- Xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt máy móc, thiết bị.

- Tháo dỡ các hạng mục công trình phục vụ thi công.

- Trồng cây xanh.

- Thu dọn sân bãi; vệ sinh máy móc, thiết bị, các hạng mục công trình phục vụ vận hành.

- Thu gom, phân định, phân loại và chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý.

** Các hoạt động của dự án trong giai đoạn vận hành*

- Sinh hoạt của người lao động tại Dự án.

- Hoạt động văn phòng quản lý, điều hành Dự án .

- Vận chuyển lợn, nguyên nhiên vật liệu, hóa chất, các loại chất thải từ quá trình chăn nuôi.

- Chăn nuôi lợn với quy mô 30.000 con/lứa (xuất bán khoảng 70.000 con lợn thịt/năm).

- Hoạt động của máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển; vận hành các hạng mục công trình chính, phụ trợ và BVMT.

- Thu gom, phân định, phân loại, xử lý xác lợn (chết đơn lẻ và chết dịch), các loại chất thải rắn khác, nước thải, khí thải; chuyển giao chất thải cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Các hoạt động bảo trì, sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị và các hạng mục công trình bị hư hỏng, xuống cấp.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không ảnh hưởng đến các yếu tố nhạy cảm về môi trường như khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng; không yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.

2. Các nội dung tham vấn

2.1. Vị trí thực hiện dự án đầu tư

a. Vị trí, ranh giới dự án; chiếm dụng các loại đất khác nhau

- Vị trí, ranh giới dự án

Khu đất thực hiện dự án "Trang trại chăn nuôi lợn chất lượng cao" thuộc thôn Gia Hoà 1, xã Nhất Hoà, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích thực hiện dự án 168.400m^2. Vị trí tiếp giáp của khu đất với các đối tượng xung quanh như sau:

+ Phía Đông giáp: Núi đá; đường đất nối với đường giao thông chính;

+ Phía Tây giáp: Núi đá;

+ Phía Nam giáp: Núi đá;

+ Phía Bắc giáp: Núi đá.

Vị trí khu đất nằm trong lũng, địa hình xung quanh có núi bao bọc, mặt bằng đồng đều, đường vào trại là đường đất, lối mòn nhỏ chủ yếu cho người dân đi bộ vào canh tác nông nghiệp và những phương tiện cơ giới phổ thông đi lại. Cả 4 phía khu đất đều không tiếp giáp trực tiếp với nhà dân, không gần các công trình tôn giáo, văn hóa. Khoảng cách gần nhất từ hàng rào trang trại đến các hộ gia đình sinh sống là 1,0 km - 2 km, đảm bảo an toàn về khoảng cách tiêu chuẩn đối với dự án các khu chuồng trại chăn nuôi với các khu dân cư được quy định tại Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

- Chiếm dụng các loại đất của dự án

STT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
1	Đất trồng cây hằng năm	BHK	11,62	69
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	4,95	29,39
3	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	0,01	0,06
4	Đất giao thông	DGT	0,26	1,55
	Tổng cộng		**16,84**	**100**

b. Mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh

Khoảng cách giữa khu vực Dự án với các công trình xung quanh trong phạm vi 1.000m xung quanh như sau:

Xung quanh khu vực dự án trong bán kính 2-3 (km) không có cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô lớn. Khu vực dự án không có các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp.

Khu dân cư: Cách dự án khoảng 1 – 2 km về phía Đông Bắc là khu dân cư thôn Gia Hoà.

Dự án được đầu tư xây dựng tại thôn Gia Hoà, đây là vùng miền núi của tỉnh Lạng Sơn, dân cư trung bình, người dân quanh vùng chủ yếu trồng cây nông sản, cuộc sống còn nhiều khó khăn. Khu vực xung quanh dự án chưa bị ô nhiễm.

Bao quanh dự án là núi đá, nằm cách xa khu dân cư, hộ dân ở gần nhất cách 1 – 2km về phía Đông Bắc đảm bảo an toàn về khoảng cách tiêu chuẩn quy định tại Thông tư 23/2019/TT-BNNPTNT. Do đó các tác động tiêu cực của dự án (nhất là mùi hôi) tới đời sống kinh tế - xã hội của dân cư xã Nhất Hoà và khu vực xung quanh là không lớn.

Trung tâm kinh tế, chính trị: Dự án cách UBND xã Nhất Hoà khoảng 2,07km, cách Trung tâm thị trấn Bắc Sơn khoảng 19km về phía Đông Bắc.

Công trình văn hoá, tôn giáo, lịch sử:

- Xung quanh khu vực dự án 2km không có công trình tôn giáo, tín ngưỡng nào, không có công trình trọng điểm quốc gia, thuộc quốc phòng an ninh, tôn giáo.

- Tại khu vực Dự án không có di tích văn hoá, lịch sử nổi tiếng nào được xếp hạng. Trong địa bàn xã Nhất Hoà có một số miếu mạo của làng hoặc theo phong tục tập quán của làng, nhưng tất cả các khu vực văn hoá này đều cách xa khu vực Dự án và không bị ảnh hưởng khi Dự án đi vào hoạt động.

- Dự án cách thị trấn Bắc Sơn khoảng 19km về phía Đông Bắc;
- Dự án cách Trường tiểu học và THCS xã Nhất Hoà khoảng 2,37km về phía Đông Bắc.

c. Các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu thực hiện dự án

Căn cứ điểm c Điều 28. Tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Đánh giá các yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án như sau:

Hiện trạng đất tại khu vực dự án là đất trồng cây hàng năm không thuộc quy hoạch đất rừng và trong khu vực dự án không có dân cư sinh sống. Trong khu vực dự án không có các di tích lịch sử, di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác. Do vậy Dự án không ảnh hưởng đến các yếu tố nhạy cảm về môi trường như khu dân cư tập trung; nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt; khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, thủy sản; các loại rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; di sản văn hóa vật thể, di sản thiên nhiên khác; đất trồng lúa

nước từ 02 vụ trở lên; vùng đất ngập nước quan trọng; không yêu cầu di dân, tái định cư và yếu tố nhạy cảm khác về môi trường.

2.2. Tác động môi trường của dự án

2.2.1. Các tác động có liên quan đến chất thải

a. Các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- **Đối với nước thải:**

–Nước thải xây dựng: Lưu lượng phát sinh khoảng 8,8 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng, COD, dầu mỡ khoáng,...

–Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng phát sinh khoảng 4 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là pH, tổng chất rắn lơ lửng, BOD_5 (20°C), sunfua (tính theo H_2S), phosphat (tính theo P), nitrat (tính theo N), amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng coliforms

–Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng ước tính khoảng: 128,2 l/s. tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Nitrit (NO_2^- tính theo N), amoni (NH_4^+ tính theo N), chloride (Cl^-), tổng phenol, tổng dầu mỡ, E.coli.

- **Đối với bụi, khí thải:**

–Bụi, khí thải từ quá trình thi công san nền, đào móng, phá đá: Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất, san nền, phá đá. Thành phần chủ yếu là TSP, PM_{10}, SO_2, NO_x, CO.

–Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và từ các máy móc thi công: Thành phần chủ yếu là bụi, NO_x, CO, HC.

–Bụi, khí thải từ các hoạt động cơ khí: Thành phần chủ yếu là khói hàn, CO, NO_x.

–Bụi, khí thải từ quá trình thi công: Thành phần chủ yếu là bụi, SO_2, NO_x, CO.

- **Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu,…Chất thải rắn xây dựng có thành phần ít phân hủy trong môi trường tự nhiên. Chất thải này nếu không có biện pháp xử lý sẽ gây mất mỹ quan, chiếm diện tích khu vực dự án. Chủ đầu tư có biện pháp giảm thiểu tác động của chất thải rắn xây dựng.

- Lượng củi gỗ và sinh khối phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng là 358,75 tấn, chất thải rắn xây dựng hạng mục công trình chính là 242 tấn; Hạng mục hạ tầng kỹ thuật 242,9 tấn và hạng mục BVMT là 129 tấn. Tổng lượng CTR từ quá trình xây dựng

là 972,65 tấn. Lượng chất thải này nếu không được thu gom sẽ gây cản trở giao thông, ảnh hưởng đến quá trình triển khai xây dựng.

- Lượng đất đá thải được tận dụng toàn bộ, không thải bỏ.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 25 kg/ngày, thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ.

- Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 76,3 kg/tháng bao gồm giẻ lau; bóng đèn huỳnh quang thải;…

b. Các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành

- **Đối với nước thải:**

- *Nước thải chăn nuôi (bao gồm nước thải lợn, nước xịt rửa chuồng, nước ngâm rãnh thu phân và nước rửa chuồng sau xuất bán):* Lưu lượng phát sinh 356,245 m^3/ngày; pH, BOD_5, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ (theo N), tổng coliform.

- *Nước từ quá trình sát khử trùng người và xe*: Tổng lưu lượng phát sinh khoảng 0,31 m^3/ngày; tính chất của nước thải này là độ pH tương đối thấp, tính oxy hóa mạnh. Tuy nhiên lượng nước này chủ yếu là bay hơi hết.

- *Nước thải sinh hoạt:* Tổng lưu lượng khoảng 5,5 m^3/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: pH, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), BOD_5 (20^oC), sunfua (tính theo H_2S), phosphat (tính theo P), nitrat (tính theo N), amoni (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng coliforms.

- *Nước mưa chảy tràn:* Lưu lượng ước tính khoảng 266 l/s. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), nitrit (NO_2^- tính theo N), amoni (NH_4^+ tính theo N), chloride (Cl^-), tổng phenol, tổng dầu mỡ, E.coli.

- **Đối với bụi, khí thải:**

Bụi, CO, SO_2, NO_x… phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu hóa thạch (phương tiện vận chuyển, máy phát điện dự phòng), đốt khí biogas…; từ các hoạt động giao thông vận chuyển, xuất nhập nguyên vật liệu và chất thải.

– - Các khí NH_3, CH_4, H_2S, CO_2, CO, NO_x, phenolic, các axit hữu cơ dễ bay hơi như axit propionic, axit axetic..., các chất gây mùi đặc trưng khác như indole, skatole, P-cresol, mercaptan, cadaverin, putrescine... từ các khu vực: chuồng nuôi, bể chứa phân, nhà chứa phân, hầm biogas, hệ thống thu gom nước thải, hệ thống XLNT, kho lưu giữ CTRTT và CTNH, hố hủy xác lợn, …

Khí thải từ hầm Biogas: Lượng khí CH_4 sinh ra từ hầm Biogas. Ước tính tải lượng lớn nhất của một số chất ô nhiễm từ hầm biogas, khi chưa áp dụng các biện pháp, công trình BVMT như sau:

+ Đối với CO_2, khoảng 463,98 m^3/ngày.

+ Đối với CH_4, khoảng 927,96 m^3/ngày.

+ Đối với H_2S, khoảng 23,199 m^3/ngày.

+ Đối với NH_3, khoảng 77,33 m^3/ngày

- Ước tính nồng độ một số chất ô nhiễm tại nhà chứa phân, khi chưa áp dụng công trình, biện pháp BVMT như sau:

+ Đối với phenol, khoảng 56,6 mg/m^3 (vượt giới hạn tiếp xúc ca làm việc theo QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc).

+ Đối với P-cresol, khoảng 151,3 mg/m^3.

+ Đối với indole, khoảng 27,7 mg/m^3.

- Thông số ô nhiễm đặc trưng: nhiệt độ, độ ẩm, bụi toàn phần, SO_2, NO_x, CO, CO_2, NH_3, CH_4, H_2S, SF_6, phenolic, axit propionic, axit axetic, indole, skatole, P-cresol, mercaptan, cadaverin, putrescine...

- **Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại**

– *Phân lợn*: Lượng phân lợn sau ép phát sinh khoảng 18,34 tấn/ngày; còn 2,035 kg/ngày sẽ theo nước vào hầm biogas; thành phần phân lợn chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng như N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

– *Xác lợn chết không do dịch bệnh* (ngộp, còi cọc) phát sinh khoảng 90 kg/ngày. Thành phần chủ yếu của xác lợn chết không do dịch bệnh gồm các chất hữu cơ, các chất chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

– *Bao bì cám lợn dự trữ*: Khối lượng phát sinh trung bình khoảng 17,158 kg/ngày.

– *Bùn thải*: Tổng khối lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 184,36 kg/ngày; thành phần chủ yếu là nước và các chất hữu cơ ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ.

– *Vỏ hộp mực in thải bỏ*: 48 kg/năm

– *Vỏ vacxin, thuốc thú y thải bỏ*: 440,82 kg/năm

– *Vỏ chế phẩm Omnicide, formol, $KmnO_4$, EM, Javen, vôi*: 1,642 tấn/năm.

– *Các loại chất thải thông thường khác*: 12 tấn/năm

– *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 29,7 kg/ngày, thành phần bao gồm rác thực phẩm, giấy, nilong, vỏ đồ hộp,… Chất thải sinh hoạt có chứa 60 – 70% chất hữu cơ và 30 – 40% các chất khác.

– *Chất thải nguy hại*: lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 355,056 kg/năm bao gồm giẻ lau, bao tay dính hóa chất dầu mỡ; thùng; vỏ bao bì thuốc thú y; bóng đèn huỳnh quang; dầu nhớt thải, chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); pin, ắc quy chì thải; hộp mực in thải,…

2.2.2. Các tác động không liên quan đến chất thải

a. Các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công

• **Đối với tiếng ồn, độ rung**

Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông, thiết bị thi công: Tiếng ồn gây ra do phương tiện vận tải từ việc chuyên chở vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ thi công trên công trường xây dựng và các hoạt động thi công như nổ mìn, khoan, hàn, cắt, đào, đầm, ép cọc, xếp dỡ,…. Tiếng ồn có tần số cao khi các phương tiện máy móc sử dụng nhiều, hoạt động liên tục, nhất là vào khoảng thời gian ban ngày trong giờ làm việc. Quy chuẩn áp dụng QCVN 26:2010/BTNMT;

Mức âm tương đương cao nhất tại khu vực thi công vào khoảng 88 dBA (vượt giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn).

b. Các tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành

- **Đối với tiếng ồn, độ rung**

- Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông vận tải ra vào Dự án, từ hoạt động của các máy móc, thiết bị phục vụ chăn nuôi, xử lý nước cấp, xử lý chất thải, máy phát điện dự phòng…, đặc biệt là tiếng lợn kêu tại các khu chuồng nuôi.

- Mức âm tương đương cao nhất tại chuồng nuôi lợn vào khoảng 100 dBA (vượt giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương trong 8 giờ tiếp xúc, theo QCVN 24:2016/ BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc).

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải

a. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- **Đối với nước thải:**

– Nước thải xây dựng: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng tạm. Thể tích hố lắng tạm khoảng 3m^3, kích thước DxRxC= (1,5m x 2m x 1m), hố đất.

- Nước thải sinh hoạt: Lắp lắp đặt 04 nhà vệ sinh di động, loại 2 ngăn, thể tích 500l để sử dụng chung cho cả giai đoạn xây dựng. Chất thải từ nhà vệ sinh di động được định kỳ thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom và xử lý. Tần suất thu gom 2 tuần/lần. Khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng dự án sẽ không sử dụng nhà vệ sinh di động nữa thì sẽ được tháo dỡ thu hồi lại và hoàn trả lại mặt bằng.

- Nước mưa chảy tràn: Bố trí hố lắng, rãnh tiêu thoát nước tạm thời trên mương rãnh có bố trí hố ga lắng cặn.

- **Đối với bụi, khí thải:**

– Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng: Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật,…

– Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và từ các máy móc thi công: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa,…

– Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn, cắt, sơn, xì kim loại: Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí,…

- **Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

– Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án sẽ được phân loại, thu gom và lưu trữ trong các thùng chứa bằng nhựa 100 - 200L. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom xử lý theo đúng quy định.

– Chất thải rắn xây dựng: Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh. Tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch…Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đem đi xử lý theo các qui định hiện hành đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng và thu hồi.

– Đối với lượng đất đào còn dư công ty sẽ tiến hành lấp những vùng đất bị trũng nước, hoặc những vùng đất thấp trong dự án.

– Chất thải nguy hại: Thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

b. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành

- **Đối với nước thải:**

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải: nước thải của dự án được thu gom tách biệt hoàn toàn với nước mưa.

<u>* Đối với nước thải sinh hoạt:</u>

+ Dòng 1: Nước thải từ các bồn tiểu, bồn cầu trong các khu vệ sinh của cán bộ công nhân viên làm việc tại Dự án được thu gom bằng các đường ống PVC ngang PVC D110 rồi đấu nối về bể tự hoại 03 ngăn (04 bể tự hoại, 20 m^3/bể) để xử lý sơ bộ trước khi đấu nối vệ hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án bằng đường ống nhựa PVC D90-D140.

+ Dòng 2: Nước thải từ các các chậu rửa, nước lau sàn từ các khu vực sinh hoạt của nhân viên làm việc tại Dự án được thu gom bằng các đường ống PVC ngang D90 rồi đấu nối vào xử lý nước thải tập trung của Dự án.

+ Dòng 3: Nước thải khu vực nhà bếp (nấu ăn cho công nhân) được thu gom bằng đường ống PVC D90 qua bể tách dầu mỡ dung tích 3m^3 sau đó đấu nối vào xử lý nước thải tập trung của Dự án.

<u>* Đối với nước thải chăn nuôi:</u>

- Nước thải chăn nuôi tại trại được thu gom bằng mương dẫn nước thải là mương bê tông đá 1x2 dày 10cm, độ dốc 1,5%, quét chống thấm, mương kín, bên trên có lắp đặt các tấm đan bê tông đậy kín, mương được bố trí dọc trong khu trại. Mương dẫn nước

thải có kích thước khoảng 0,5m x 0,5m x 636m (s: chiều sâu; r: chiều rộng, d: chiều dài) mương này dẫn nước thải từ các khu chuồng trại đưa vào hầm biogas để xử lý sơ bộ.

- Nước từ biogas xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án bằng đường ống nhựa PVC, Ø200mm. Sử dụng bơm để đưa nước từ nơi thấp đến nơi cao.

<u>* Trạm XLNT tập trung:</u>

Dự án sẽ xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung công suất 500m^3/ngày đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh tại dự án. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, nước thải sau xử lý thoát ra hồ chứa nước sau xử lý (hồ có đáy lót bằng màng chống thấm HDPE đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng) trong khuôn viên Dự án để tuần hoàn, tái sử dụng (tuân thủ quy định tại khoản 3 Điều 59 Luật Chăn nuôi năm 2018).

Quy trình xử lý nước thải: Nước thải (nước thải chăn nuôi + nước thải sinh hoạt) → Bể gom → Máy ép phân → Hầm biogas → Cụm bể xử lý AO → Bể khử trùng → Hồ chứa nước tái sử dụng (đạt cột B, CVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi).

Nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho các hoạt động của dự án, không xả ra môi trường.

<u>* Đối với nước mưa chảy tràn:</u>

Nước mưa từ mái nhà thu gom bằng máng, theo đường ống PVC 110 chảy vào rãnh mương xây D600 và mương đất B1500; nước mưa từ sân, đường, mặt bằng dự án được thoát tự nhiên vào hệ thống cống thoát BTCT D600, dẫn ra nguồn tiếp nhận là suối Nhất Hoà cạnh dự án.

+ Cống cho thoát nước mưa dùng loại cống tròn đúc sẵn có tải trọng C bằng phương pháp ly tâm. Toàn bộ tuyến cống đặt trên gối đỡ bằng BTCT M200#.

+ Mương xây rộng 0,6m, thành mương xây gạch dày 0,1m.

+ Mương đất rộng đáy 1,5m, thành vát taluy m=0,5.

+ Ga thu nước mưa kết hợp với giếng thăm sử dụng BTCT M200# có cửa thu theo kiểu thu nước mặt đường có lưới chắn rác bằng gang.

+ Giếng thăm nước mưa sử dụng BTCT M200#.

- **Đối với bụi, khí thải:**

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải: Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chở quá tải; điều phối xe hợp lý tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động cùng thời điểm,…

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng: Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy phát điện được bố trí nhà đặt máy phát điện giảm ảnh hưởng tiếng ồn tới công nhân làm việc; ống khói được làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao,…

- Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn: Trang bị khẩu trang y tế, các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp nhập cám và cho lợn ăn để hạn chế bụi phát sinh; trồng cây xanh xung quanh khu vực; thường xuyên dọn dẹp vệ sinh,…

- Biện pháp xử lý khí gas thoát ra từ hầm Biogas: Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được tận dụng để làm nhiên liệu nấu ăn cho trang trại và nấu xác lợn chết không do dịch bệnh; trường hợp còn dư thừa, Chủ Dự án đốt bỏ. Việc đốt bỏ được thực hiện bằng thiết bị đốt khi dư kín chuyên dụng, thiết bị có trang bị đồng hồ áp tự động, có hệ thống chống cháy ngược và hệ thống van an toàn.

- Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, khu vực nhà để phân, khu vực hố hủy xác và khu chăn nuôi:

+ Khu vực chuồng nuôi: Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng; bố trí quạt hút hoạt động liên tục; trồng cây xanh cách ly (trồng cây sao với mật độ 2m/cây); luôn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, …

+ Khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín, thường xuyên khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng; trồng cây xanh cách ly (trồng cây sao với mật độ 2m/cây), thảm cỏ bao quanh khuôn viên trang trại, sử dụng chế phẩm sinh học EM phun vào những vị trí phát sinh mùi hôi nhiều,…

+ Khu vực nhà để phân: Dùng chế phẩm sinh học EM phun lên bề mặt phân lợn; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân lợn.

+ Khu vực máy hủy xác: Bố trí khu chứa máy hủy xác nằm trong khu vực biệt lập; trồng cây xanh xung quanh hố hủy xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí;

- **Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại:**

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ dự án sẽ trang bị:

+ Khoảng 5 thùng rác loại 5-10 lít đặt các khu nhà vệ sinh;

+ Khoảng 6 thùng rác loại 10 – 20 lít đặt khu văn phòng, nhà ở công nhân;

+ Khoảng 2 thùng rác loại 100 lít đặt tại khu vực bếp ăn;

+ Khoảng 2 thùng rác loại 200 lít có nắp đậy đặt khu vực ngoài cổng ra vào để tiện cho đơn vị xử lý đến thu gom, vận chuyển.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với với đơn vị có chức năng của địa phương đến thu gom, vận chuyển và đem đi xử lý, tần suất khoảng 1-2 lần/tuần.

- *Phân lợn:*

Phân lợn sau khi qua máy ép phân sẽ được thu gom và chứa tại nhà chứa phân có diện tích 408,93 m^2. Toàn bộ phân sau ép và phân thu gom khô sẽ được chuyển giao cho đơn vị sản xuất phân bón.

- *Bao bì đựng cám, tấm làm mát thải bỏ…* được thu gom và bán cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- *Xác lợn chết không do dịch bệnh và xác lợn chết do các bệnh thông thường:* được xử lý bằng máy nghiền xác công suất máy 500kg xử lý theo đúng quy định.

- *Bùn thải:* Định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị có chức năng hút bùn từ hầm biogas đưa đi xử lý, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

- *Chất thải nguy hại:* được thu gom, phân loại và lưu giữ trong 8 thùng chứa bằng dung tích 100 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 40 m^2. Kết cấu của nhà chứa chất thải nguy hại là: nền bê tông, tường xây tô 02 mặt, quét sơn nước, mái lợp tôn, dán biển cảnh báo, bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, có gờ bao và rãnh thu gom chất thải tràn đổ theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý theo quy định.

2.3.2. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải

a. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- **Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

Giảm thiểu tác động do tiếng ồn

+ Bố trí lắp đặt các thiết bị gây ồn lớn cách xa các khu vực dân cư hiện có khu vực dự án;

+ Kiểm soát tiếng ồn lan truyền: Định kỳ kiểm tra sự lan truyền tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các trang thiết bị, máy móc tham gia các hoạt động thi công dự án theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Tuân thủ thời gian biểu, tổ chức thi công hợp lý và kiểm soát mức ồn từ hoạt động vận chuyển trong thi công: phương tiện sử dụng không chở vượt quá danh định, tắt máy khi không cần thiết và tránh những hành động gây ồn không đáng có khi điều khiển phương tiện;

+ Lựa chọn máy móc thi ết bị có mức ồn nguồn thấp khi thi công các hạng mục công trình của dự án. Các thiết bị, máy móc đặt cố định hoặc di chuyển trong một phạm vi ngắn để thi công một hạng mục liên tục trong nhiều giờ lựa chọn chủng loại có mức ồn nguồn thấp. Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn cho các máy móc có mức ồn cao, cố định, máy phát điện,...;

Biện pháp khống chế rung động

+ Biện pháp kết cấu: Cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động,... đối với các trang thiết bị thi công, máy móc có độ chấn động cao;

+ Biện pháp công nghệ: Sử dụng vật liệu phi kim loại, thay thế nguyên lý làm việc khí nén bằng thủy khí, thay đổi chế độ tải làm việc,...;

+ Biện pháp dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung như hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi kim loại, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su, đệm đàn hồi cao su,... được lắp giữa máy và bệ máy đồng thời được định kỳ kiểm tra hoặc thay thế; hoặc có loại được lắp cố định trên máy và được xem như là một bộ phận hoặc chi tiết của máy như: ghế lái giảm rung, tay nắm cách rung; có loại lại luôn luôn độc lập và nằm ngoài máy như sàn cách rung, tay kẹp giảm rung,...

b. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động không liên quan đến chất thải trong giai đoạn vận hành

- **Đối với tiếng ồn, độ rung**

+ Các phương tiện vận tải vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu ra vào dự án cần đảm bảo mới, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, tránh sử dụng các loại xe quá cũ gây tiếng ồn ảnh hưởng đến người đi đường và xung quanh. Tránh chở quá tải;

+ Phân bổ tuyến đường vận chuyển hợp lý giữa phương tiện vận tải vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu và phương tiện tham gia giao thông của cán bộ công nhân nhân, tránh ùn tắt, kẹt xe, tập trung đông phương tiện tại một địa điểm gây ra tiếng ồn lớn;

+ Tăng cường trồng cây xanh dọc hai bên đường giao thông để ngăn cản tiếng ồn.

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

**** Giai đoạn xây dựng***

a. Quan trắc, giám sát môi trường không khí

Thông số quan trắc và vị trí quan trắc

- Thông số quan trắc: TSP, SO_2, NO_2, CO, PM_{10}, mức âm tương đương và mức âm cực đại.

- Vị trí quan trắc: 03 điểm trong khu vực công trường xây dựng, cụ thể như sau:

+ Tại cổng vào dự án

+ Tại khu vực xây dựng

+ Trên đường giao thông vào dự án

Tần suất thực hiện và QCVN so sánh

- Tần suất: 03 tháng/lần, khi có hoạt động thi công, vận chuyển của Dự án.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT.

+ QCVN 26:2010/BTNMT.

b. Giám sát môi trường nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: Tại khu vực nhà vệ sinh di động

- Tần suất giám sát: Hàng ngày

- Thông số giám sát: Giám sát công tác thu gom, vận chuyển nước thải sinh hoạt

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

c. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ tạm thời chất thải tập trung và khu lưu giữ CTNH trên công trường.

- Tần suất giám sát: Hàng ngày

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

d. Giám sát chất thải từ quá trình phát quang

- Vị trí giám sát: Tại khu vực thu gom, tập kết chất thải từ quá trình phát quang;

- Tần suất giám sát: Hàng ngày

- Thông số giám sát: Giám sát công tác thu gom, vận chuyển chất thải phát quang;

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

**** Giai đoạn vận hành***

a. Giám sát chất lượng môi trường không khí

- Vị trí giám sát: Bên ngoài buồng xử lý khí (cạnh tấm Jmat); trong nhà văn phòng; cạnh hệ thống XLNT; cạnh nhà chứa phân;; ngoài tường rào Dự án (cuối hướng gió).

- Thông số giám sát (trung bình trong 1 giờ hoặc 8 giờ): nhiệt độ, độ ẩm, vận tốc chuyển động của không khí, mức âm tương đương và mức âm cực đại, Bụi lơ lửng, bụi, SO_2, NO_x, CO, NH_3, CH_4, H_2S, phenol, indole, mercaptan, cadaverin, putrescine.

- Tần số giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 05:2023/BTNMT.

+ QCVN 26:2010/BTNMT.

+ QCVN 03:2019/BYT.

+ QCVN 24:2016/BYT.

+ QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

+ QCVN 22:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

b. Giám sát CTR, CTNH, bùn thải

- Nội dung giám sát: thành phần CTR, CTNH, bùn thải từ hầm biogas, bùn nạo vét hồ sinh học, bùn HTXLNT, chất thải là sinh khối; phân loại, thu gom CTR, CTNH, bùn thải; Tổng lượng CTR, CTNH phát sinh, bùn thải.

- Tần suất giám sát: hàng ngày

- Người phụ trách: cán bộ quản lý.

c. Giám sát sự cố môi trường và các giám sát khác

- Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký để theo dõi) giám sát, phát hiện nguy cơ hư hỏng, tắc nghẽn hệ thống thu gom nước thải và nước mưa, hệ thống xử lý nước thải tập trung; sự cố sụt lún, tiêu thoát nước và các sự cố môi trường khác có thể xảy ra; công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC); an toàn điện; an toàn và vệ sinh lao động; Theo dõi chống thấm, rò rỉ nước thải vào đất và nước ngầm.

- Đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ các hoạt động của Dự án để có phương án tăng cường, điều chỉnh thực hiện các biện pháp giảm thiểu được áp dụng.

d. Giám sát điều kiện chăn nuôi

Chủ dự án thực hiện giám sát chăn nuôi trong giai đoạn vận hành theo quy định của luật chăn nuôi để đảm bảo cơ sở chăn nuôi đáp ứng đủ điều kiện chăn nuôi, môi trường và phòng chống dịch bệnh.

+ Thực hiện kê khai chăn nuôi theo quy định;

+ Đảm bảo các điều kiện chăn nuôi, môi trường theo quy định;

+ Cấp giấy chướng nhận đủ điều kiện chăn nuôi lớn, giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh, giấy cứng nhận đủ điều kiện vệ sinh thú y và thực hiện giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi đối với việc cấp giấy chứng nhận (định kỳ hàng năm giám sát đánh giá cơ sở an toàn dịch bệnh; 24 tháng với cơ sở chăn nuôi lớn; nếu phát hiện vi phạm có thể giám sát đột xuất…);

+ Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh: vệ sinh thú y, tiêm phòng vaccin, sát trình tiêu độc và khai báo dịch bệnh theo quy định.

2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Biện pháp an toàn lao động

- Các máy móc thiết bị thi công phải có lý lịch kèm theo và phải được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật;

- Có quy trình kỹ thuật an toàn cho các loại máy móc, thiết bị;

- Có nội quy về an toàn lao động và vệ sinh lao động nơi làm việc;

- Thường xuyên nhắc nhở, kiểm tra việc chấp hành các quy định, nội quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động của công nhân;

- Trang bị đầy đủ, đúng chủng loại các phương tiện bảo hộ lao động và thực hiện các chế độ về an toàn, vệ sinh lao động đối với người lao động theo quy định của Nhà nước;

- Kiểm tra, nhắc nhở công nhân phải sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc;

- Khi thi công trên cao, vận chuyển, bốc dỡ và lắp đặt máy móc thiết bị, sử dụng điện phục vụ cho thi công... đều có các biện pháp an toàn, phòng ngừa sự cố.

Biện pháp an toàn trong giao thông

- Để giảm thiểu các sự cố về an toàn giao thông, chủ dự án sẽ hạn chế phương tiện vận tải tham gia giao thông vào những giờ cao điểm.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức cho các lái xe, công nhân về an toàn giao thông đường bộ, công nhân phải tuân thủ, chấp hành nghiêm Luật an toàn giao thông đường bộ, không lái xe trong lúc say rượu hay buồn ngủ.

- Đặt các biển báo tốc độ và lắp đặt đèn sáng, đèn báo hiệu khi thi công vận chuyển vào trời tối, ban đêm.

Biện pháp phòng chống cháy nổ, chập điện

- Xây dựng và ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy.

- Các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ tại các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện;

- Lắp đặt biển báo cấm lửa tại khu vực dễ gây ra cháy nổ.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy cần thiết như bình bọt, bình CO_2, cát,...và đặt tại vị trí quy định thuận tiện cho công tác chữa cháy khi có sự cố xảy ra.

- Tổ chức tuyên truyền, kiểm tra, thanh tra công tác phòng chống cháy nổ tại các kho, lán trại của các đơn vị thi công.

- Ban hành các nội quy cấm công nhân không được hút thuốc, không gây phát lửa tại các khu vực có thể gây cháy ảnh hưởng đến cháy rừng khu vực đồi liền kề dự án.

- Lắp đặt hệ thống báo cháy để theo dõi và kịp thời can thiệp hạn chế các hoạt động gây hại.

**** Biện pháp an toàn khi dùng điện:***

- Bọc kín các điểm tiếp nối điện bằng vật liệu cách điện;

- Kiểm tra công suất thiết bị phù hợp với khả năng chịu tải của nguồn;

- Tổ chức cảnh giới và treo biển báo khi sửa chữa điện;

- Công nhân làm việc trong lĩnh vực điện phải có chứng chỉ do cơ quan chức năng cấp;

- Xây dựng và ban hành nội quy an toàn về điện;

- Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra, thanh tra định kỳ về an toàn điện.

Biện pháp phòng chống lũ lụt gây ngập úng, sạt lở

Để giảm thiểu các sự cố do lũ lụt gây nên, Chủ dự án sẽ chủ động phối hợp với trung tâm khí tượng thủy văn và các bản tin dự báo thời tiết hàng ngày trên các phương tiện truyền thông để đề ra những biện pháp ứng phó, tác động cụ thể kịp thời.

- Huy động lực lượng, phương tiện tiến hành sơ tán, di chuyển các loại nguyên vật liệu, dầu mỡ, thiết bị đến nơi an toàn theo khuyến cáo hoặc quy định của cấp có thẩm quyền để ngăn ngừa phát tán dầu mỡ, nguyên vật liệu ra môi trường xung quanh;

- Ngắt toàn bộ hệ thống điện;

- Sau khi nước rút tiến hành kiểm tra, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị máy móc bị hư hỏng.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành

Phòng cháy chữa cháy

➢ ***Biện pháp chung cho toàn trại***

- Để đảm bảo an toàn, trong quá trình thiết kế và xây dựng, đơn vị thi công đã tuân thủ theo các quy định về phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình. Tuy vậy, trong thực tế khi dự án đi vào sử dụng cũng cần có các biện pháp hỗ trợ cho việc phòng ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và của một khi có sự cố xảy ra:

- Bố trí các hộp chữa cháy (phương tiện dùng phòng cháy chữa cháy gồm các bình bình chữa cháy cầm tay - bình bọt CO_2, các họng nước cứu hỏa) được bố trí tại các vị trí thích hợp.

- Tiến hành kiểm tra và sửa chữa định kỳ các hệ thống có thể gây cháy nổ (như hệ thống điện, hệ thống gas trong khu nhà bếp, khu chứa dầu chạy máy phát điện).

- Không hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện vào khu vực dễ gây cháy.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ và an toàn trong quá trình vận hành hệ thống biogas

- Trong trường hợp thừa gas trong hầm biogas, khí gas từ hệ thống bể biogas được sử dụng để đun nấu và đốt bỏ.

- Thường xuyên bảo trì bảo dưỡng hầm biogas, trong trường hợp xảy ra cháy nổ thực hiện ngay công tác bơm dẫn theo vòi nước phun chữa cháy. Báo cáo cơ quan chức năng trong trường hợp đám cháy vượt quá khả năng ứng cứu.

- Trong quá trình vận hành hầm biogas, công nhân phải mở lắp hầm biogas khoảng 1-2 giờ đồng hồ để giảm khí metan trước khi phun nước phá váng hoặc báo cho kỹ thuật viên thuê đơn vị có chức năng sử dụng xe hút bể phốt và máy bơm chuyên dụng phá váng, không được tự xuống hầm ủ biogas.

- Các đường ống dẫn khí gas, van sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên. Tuân thủ các quy định về an toàn - phòng chống cháy nổ.

Phòng chống tai nạn lao động

- Cho công nhân tham gia các lớp huấn luyện về an toàn lao động.

- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân.

- Trang bị bảo hộ lao động cho người lao động theo các quy đinh của Bộ Lao động Thương binh Xã hội.

- Thường xuyên tiến hành công tác kiểm tra sức khoẻ định kỳ và có phòng y tế, cấp cứu trong khu vực.

- Trường hợp có công nhân bị tai nạn trong quá trình lao động cần thực hiện các biện pháp sơ cứu ngay hoặc đưa đến trạm y tế gần nhất.

Phòng chống sự cố dịch bệnh

Chương trình vệ sinh phòng dịch của khu trại sẽ được thực hiện nghiêm ngặt và đúng theo Luật thú y số 32/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018 và Thông tư 07/2016/TTBNNPTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

Phòng chống sự cố từ hệ thống xử lý nước thải, hầm biogas và các hồ chứa nước

- Để phòng chống các sự cố xảy ra đối với hệ thống XLNT. Tại đầu ra của hệ thống XLNT sẽ lắp đồng hồ đo lưu lượng để có thể thường xuyên giám sát lưu lượng nước thải.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của Hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi: Định kỳ

bảo dưỡng hệ thống xử lý, vận hành ổn định, khi gặp sự cố sẽ khắc phục kịp thời và kịp thời sửa chữa đảm bảo hệ thống vận hành trong thời gian sớm nhất, cam kết không xả nước thải ra môi trường trong thời gian xảy ra sự cố. Khi Trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố, toàn bộ nước thải phát sinh của Dự án sẽ được khắc phục kịp thời trong vòng 24 giờ, quay vòng xử lý lại nước thải, bảo đảm không xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép ra môi trường.

- Trong quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, có lúc máy bơm, hệ thống cấp khí, hệ thống điện,… bị hư hỏng, không thể hoạt động được, dẫn đến chất lượng nước xử lý không đạt quy chuẩn.

Phòng chống sự cố ngập úng

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét đường thoát nước đảm bảo các tuyến thoát nước luôn được lưu thông, tránh trường hợp nước không thoát kịp khi xảy ra mưa to.

- Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên hệ thống ao hồ, hệ thống thoát nước, hệ thống mương máng trong khu vực, nhằm tránh các sự cố ngoài ý muốn gây ảnh hưởng đến môi trường cũng như thiệt hại về tài sản.

- Trong mùa mưa bão, Chủ dự án sẽ phối hợp với địa phương, có lực lượng thường trực phòng chống mưa lũ theo quy định, xây dựng phương án ứng cứu sự cố tràn, ngập úng sảy ra.

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố máy ép phân, hệ thống làm mát, hệ thống thông gió không hoạt động

- Công ty thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy ép phân.

- Khi máy ép phân bị hỏng Công ty sẽ liên hệ với đơn vị cung cấp máy ép phân để sửa chữa khắc phục sự cố ngay trong ngày.

- Công ty thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống làm mát để phòng ngừa sự cố xảy ra.

- Trang bị máy bơm nước dự phòng mát bơm nước gặp sự cố làm ảnh hưởng tới hệ thống làm mát của trang trại.

2.5. Các nội dung khác

Trang trại chăn nuôi lợn chất lượng cao:

+ Dự án không có nội dung về khai thác mỏ và bãi chôn lấp chất thải nên Chủ dự án đã không có phương án cải tạo phục hồi môi trường

+ Dự án không hoạt động chặt bỏ lớp phủ thực vật đến mức phải bồi hoàn đa dạng sinh học nên Chủ dự án đã không có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Do đó, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện đối với nội dung Phương án cải tạo phục hồi môi trường và bồi hoàn đa dạng sinh học.

3. Cam kết của chủ dự án

- Chủ dự án cam kết thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và giám sát môi trường.

- Chủ đầu tư cam kết tuân thủ các Tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường trong suốt giai đoạn xây dựng và hoạt động của dự án

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Ưu tiên lựa chọn máy móc, thiết bị mới, tiên tiến, có mức độ cơ khí hoá và tự động hoá cao, phù hợp tiêu chuẩn của về an toàn, tiêu hao nguyên liệu, nhiên liêu, tiết kiệm năng lượng và BVMT.

- Rà soát, xác định rõ vị trí và diện tích trồng cây xanh cách ly, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về BVMT và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

- Bố trí lối đi riêng để tại điều kiện thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát về BVMT có thể tiếp cận ngay vị trí các công trình xử lý chất thải và BVMT khác khi thi hành công vụ.

- Tiếp tục nghiên cứu, xây dựng quy trình vận hành và điều chỉnh tối ưu công nghệ xử lý, thông số kỹ thuật của các hạng mục công trình BVMT, đặc biệt đối với các giải pháp xử lý, hạn chế phát tán mùi, hệ thống XLNT (bao gồm cả hồ sự cố), đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đáp ứng yêu cầu vệ sinh nước dùng trong chăn nuôi, không xả nước thải vào nguồn tiếp nhận, phát tán chất ô nhiễm ra môi trường xung quanh; đề xuất giải pháp giảm thiểu, giám sát tác động tiêu cực tới môi trường đất, nước dưới đất do các hoạt động thi công xây dựng, khai thác nước dưới đất và rò rỉ nước thải; việc khai thác nước dưới đất phải tuân thủ các quy định của địa phương về vùng hạn chế khai thác, sử dụng nước dưới đất và các quy định của pháp luật về tài nguyên nước.

- Xác định rõ nguồn tiếp nhận và tọa độ vị trí xả nước mưa chảy tràn của Dự án. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án, đảm bảo tiêu thoát nước hiệu quả cho khu vực xung quanh Dự án.

- Quản lý và sử dụng hóa chất, thuốc thú y, giống lợn, thức ăn chăn nuôi theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Rà soát, cập nhật vào hồ sơ thiết kế của Dự án các nội dung, yêu cầu BVMT, các yêu cầu kỹ thuật nêu tại QCVN 01:2021/BXD, QCVN 07-2:2016/BXD, QCVN 01-41:2011/BNNPTNT, QCVN 01-39:2011/BNNPTNT, QCVN 01-1:2018/BYT, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật khác có liên quan và chỉ được triển khai xây dựng sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.

- Chỉ được chính thức đưa Dự án vào vận hành sau khi:

+ Hoàn thành các thủ tục thuê đất theo ranh giới đã xác định của Dự án.

+ Cải tạo, sửa chữa các công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu vực bị hư hỏng, xuống cấp do hoạt động của Dự án; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật hiện hành.

+ Chỉ thực hiện khai thác, sử dụng nước dưới đất phục vụ hoạt động của Dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép theo quy định của pháp luật; thực hiện giám sát chất lượng nước dưới đất theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước và pháp luật khác có liên quan.

- Áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật hiện có tốt nhất trong quá trình sản xuất, bảo đảm đạt các yêu cầu về nước thải, khí thải, tiếng ồn, độ rung, không khí xung quanh, an toàn vệ sinh lao động và phù hợp với lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Định kỳ kiểm tra, giám sát chất lượng nước mưa chảy tràn của Dự án tại vị trí xả thải, trước khi chảy vào nguồn tiếp nhận, đảm bảo đáp ứng yêu cầu về BVMT; thực hiện việc đảm bảo và kiểm soát chất lượng, kỹ thuật quan trắc và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc trong quá trình thực hiện chương trình giám sát môi trường, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện nghiêm túc việc giám sát hiệu quả các biện pháp, công trình BVMT đang áp dụng; khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra hiện tượng ô nhiễm môi trường, mất an toàn và vệ sinh lao động, phải dừng ngay các hoạt động có liên quan, khẩn trương đưa người và tài sản ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực; chủ động đề xuất điều chỉnh các giải pháp, công trình BVMT trong trường hợp các giải pháp, công trình này không đáp ứng được các yêu cầu về BVMT trong quá trình triển khai Dự án theo quy định của pháp luật.

- Chủ động phối hợp với cơ quan nhà nước và có trách nhiệm quản lý lực lượng lao động của Dự án nhằm đảm bảo an ninh, trật tự xã hội; giáo dục nâng cao nhận thức về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, BVMT đối với cán bộ, công nhân viên.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về BVMT và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng, chuyển giao công nghệ, chăn nuôi, an toàn vệ sinh lao động, hoá chất, an toàn điện, PCCC.

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động BVMT và chương trình quản lý, giám sát môi trường, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố và các điều kiện nêu trên. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp BVMT khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước về BVMT thanh tra, kiểm tra.

- Đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, kết quả tính toán trong báo cáo ĐTM của Dự án./.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VIỆT NHẬT HÒA

GIÁM ĐỐC

Hồ Quốc Hoàng

Ghi chú: Báo cáo ĐTM được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân cấp xã từ ngày 9 tháng 5 năm 2025.